

Bản án số: 148/2020/HC-PT
Ngày: 22-7-2020
V/v quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Long.**

Ông **Võ Ngọc Thông.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thanh Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22-7-2020, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 174/2020/TLPT-HC ngày 18-5-2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 06-3-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1144/2020/QĐ-PT ngày 30-6-2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Võ Văn C**, sinh năm 1953; địc chỉ cư trú: Khu dân cư số 3, thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện T1.

2. Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện T1.

Địa chỉ: Thị trấn T2, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Võ Văn G**, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Khu dân cư số 3, thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Khu dân cư số 3, thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3. Anh **Võ Đức Th1**, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Thôn Phú An, xã Trà Phú,

huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

4. Anh Võ Đức C, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Đường Liên Ấp Y, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

5. Anh Võ Đức D, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Đường Liên Ấp Y, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th, anh Th1, anh C và anh D: Ông Võ Văn C, sinh năm 1953, là người khởi kiện trong vụ án (Giấy ủy quyền ngày 30-9-2019 và ngày 03-10-2019), ông C có mặt.

6. Chị Võ Thị H1, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Khu dân cư số 13, Tổ dân phố 2, thị trấn T2, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Võ Văn C là người khởi kiện và là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th, anh Võ Đức Th1, anh Võ Đức C và anh Võ Đức D trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 896, tờ bản đồ số 4, xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi là của bà ngoại của ông C (bà Trần Thị H2) bán cho ông C năm 1979 (có giấy bán đất viết tay), nhưng từ năm 1977, ông C đã ở trên thửa đất này. Năm 1980, có phái đoàn đến xã đo đạc đất và lập sổ giao thửa đất này cho ông C sử dụng. Năm 1991, ông C đăng ký kê, khai quyền sử dụng đất và ngày 22-12-1998, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T1, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành L775930, số vào sổ 00324 QSDĐ/471/QĐUB.H/1998 cho hộ ông Võ Văn C đối với thửa đất số 896, tờ bản đồ số 4, với diện tích 3.810 m². Năm 2014, UBND huyện T1 cấp đổi cho hộ ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị Th theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BY 105342, số vào sổ CH 03509 ngày 31-12-2014 đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, xã T (thửa đất số 896, tờ bản đồ số 4 cũ), với diện tích 3.932,7 m².

Quá trình sử dụng đất, gia đình ông C trồng các loại cây như chuối, mì, dừa, tre, sắn, quăn. Năm 2012, em ruột ông là ông Võ Văn G tự ý đem keo trồng trên phần đất Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, nên ông C làm đơn gửi UBND xã T và UBND huyện T1 nhưng không được giải quyết. Đến ngày 13-3-2019, ông nhận được Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 18-02-2019 của UBND huyện T1 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông (Võ Văn C, Nguyễn Thị Th). Ông khiếu nại, thì UBND huyện T1 mới đưa ra Quyết định số 4244/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn G và hướng dẫn ông khiếu nại quyết định này. Do đó, ông khiếu nại Quyết định số 4244/QĐ-UBND ngày 10-12-2018, thì bị trả lại đơn vì lý do hết thời hạn khiếu nại. Trước khi nhận được Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 18-02-2019, thì ông và gia đình không nhận được Quyết định số 4244/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 nêu trên.

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4244/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn G và Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 18-02-2019 của UBND huyện T1 về việc thu hồi Giấy

chúng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị Th.

Người bị kiện là UBND huyện T1 và Chủ tịch UBND huyện T1 trình bày:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Võ Văn G, Chủ tịch UBND huyện T1 đã chỉ đạo bộ phận chuyên môn thụ lý và xác minh nội dung khiếu nại của ông Võ Văn G. Qua làm việc với người khiếu nại, người bị khiếu nại, các cá nhân có liên quan; đồng thời, qua thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến thửa đất theo nội dung đơn khiếu nại và qua xác minh thực tế để kiểm tra, xác định tính chính xác, hợp pháp và tổ chức đối thoại với các bên, Chủ tịch UBND huyện T1 nhận thấy đủ cơ sở để ban hành Quyết định số 4244/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn G. Trên cơ sở Quyết định số 4244/QĐ-UBND ngày 10-12-2018, UBND huyện T1 đã ban hành Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 18-02-2019 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị Th. Nay, UBND huyện T1 giữ nguyên quan điểm xử lý theo Quyết định số 4244/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn G và Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 18-02-2019 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị Th.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Võ Thị H1 trình bày:

Chị H1 thống nhất với nội dung khởi kiện của ông Võ Văn C, đề nghị hủy Quyết định số 4244/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn G và Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 18-02-2019 của UBND huyện T1 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị Th.

+ Ông Võ Văn G trình bày:

Thửa đất số 896, tờ bản đồ số 4, xã T (nay là thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, xã T) nguyên là của bà ngoại ông tên là Trần Thị H2 để lại cho anh trai ông là Võ Văn Th2 quản lý, sử dụng từ khoảng năm 1980 (chỉ nói miệng, không có giấy tờ). Đến năm 1990, ông Th2 cho gia đình ông sử dụng diện tích khoảng 1.800 m² trong tổng diện tích đất bà H2 để lại. Diện tích đất trên ông trồng keo và bạch đàn liên tục cho đến nay, không ai tranh chấp nhưng ông chưa đăng ký, kê khai để được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1998, hộ ông Võ Văn C được UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 3.810 m² là không đúng, vì trong đó có phần đất ông Th2 cho gia đình ông sử dụng từ năm 1990. Đến năm 2014, hộ ông C được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 3.932,7 m² cũng có một phần đất của gia đình ông. Việc hộ ông C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không biết, đến năm 2016 xảy ra mâu thuẫn trong việc mua bán keo, thì ông C mới cho ông biết phần đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, do đó ông đã làm đơn khiếu nại đến UBND huyện T1 đề nghị thu hồi Giấy quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị Th.

Ngày 10-12-2018, Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 4244/QĐ-UBND công nhận cho ông được quyền sử dụng 1.805 m² và ngày 18-02-2019, UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 284/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ Văn C (vợ Nguyễn Thị Th) để cấp lại cho ông C là đúng pháp luật. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 06-3-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C về yêu cầu hủy Quyết định số 4244/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn G và Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 18-02-2019 của UBND huyện T1 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị Th.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 10-3-2020, người khởi kiện kháng cáo bản án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Do không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu: “Hủy Quyết định số 4244/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 và Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 18-02-2019 của UBND huyện T1”, nên ngày 10-3-2020, người khởi kiện là ông Võ Văn C kháng cáo bản án; đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện; người bị kiện vắng mặt nhưng có quan điểm giữ nguyên các quyết định hành chính đã ban hành. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Võ Văn C, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của của ông Võ Văn C:

[2.1]. Về nguồn gốc thửa đất:

Thửa đất số 896, tờ bản đồ số 4, xã T (nay là thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, xã T) là của vợ chồng ông Ngô Tr và bà Trần Thị H2 (là ông, bà ngoại của các ông Võ Văn C, Võ Văn Th2 và Võ Văn G) tạo lập, nhưng không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất. Năm 1980, bà Trần Thị H2 chết không để lại giấy tờ gì và thửa đất này ông Võ Văn Th2 tiếp tục quản lý, sử dụng; trong đó, có một phần làm nhà ở (diện tích nhà

ở này, hiện nay hộ ông Võ Văn C đang quản lý, sử dụng). Năm 1992, ông Võ Văn Th2 chết, phần diện tích đất trước đây ông Th2 sử dụng thì ông Võ Văn G tiếp quản, sử dụng trồng keo và bạch đàn. Quá trình sử dụng đất, các ông Võ Văn Th2 và Võ Văn G không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, không xác định được từng diện tích đất các bên quản lý, sử dụng.

[2.2]. Về việc cấp và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Năm 1998, hộ ông Võ Văn C đăng ký, kê khai và ngày 22-12-1998, hộ ông Võ Văn C được UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ vào sổ cấp GCN 00324 đối với thửa đất số 896, tờ bản đồ số 4, xã T, với diện tích là 3.810 m². Ngày 31-12-2014, UBND huyện T1 cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị Th, sổ vào sổ cấp GCN: CH 03509 đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, xã T (thửa đất số 896, tờ bản đồ số 4), diện tích 3.932,7 m². Tuy nhiên, qua kiểm tra, đo đạc hiện trạng, thì trong tổng diện tích 3.932,7 m² đất cấp cho ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị Th, thì có 1.805 m² đất mà ông Võ Văn G là người trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ năm 1992 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Văn C cung cấp chứng cứ là “Giấy chuyển nhượng vườn” ngày 02-02-1979 (giấy viết tay), giữa bà Trần Thị H2 và ông Võ Văn C. Tuy nhiên, “Giấy chuyển nhượng vườn” này là do ông C tự viết, tự ký, bà Trần Thị H2 không ký tên hoặc điểm chỉ người chuyển nhượng và Giấy chuyển nhượng vườn này không được chính quyền địa phương xác nhận; ngoài ra, trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất năm 1998, ông Võ Văn C kê khai nguồn gốc đất là “đất ngoại lưu hạ”. Do đó, có căn cứ để cho rằng “Giấy chuyển nhượng vườn” ngày 02-02-1979 do ông Võ Văn C cung cấp không có giá trị pháp lý.

Như vậy, việc UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị Th đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, có diện tích là 3.932,7 m² tại xã T là không đúng với diện tích thực tế sử dụng của ông Võ Văn C và ông Võ Văn G. Ngày 28-11-2017, ông Võ Văn G có đơn khiếu nại, yêu cầu Chủ tịch UBND huyện T1 kiểm tra thực địa diện tích đất của ông (G) và ông Võ Văn C đang sử dụng thực tế để điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị Th. Ngày 10-12-2018, Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 4244/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn G, theo đó đã công nhận một phần đơn khiếu nại của ông Võ Văn G đối với diện tích 1.805 m² và ngày 18-02-2019, UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 284/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất đã cấp cho hộ ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị Th là có căn cứ; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C là đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của ông Võ Văn C đã được Hội đồng xét xử xem xét nhưng không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Mặc dù, kháng cáo không được chấp nhận, nhưng ông Võ Văn C là người cao

tuổi, nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Võ Văn C.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 06-3-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C về yêu cầu hủy Quyết định số 4244/QĐ-UBND ngày 10-12-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn G và Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 18-02-2019 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất của ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị Th.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Ông Võ Văn C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường